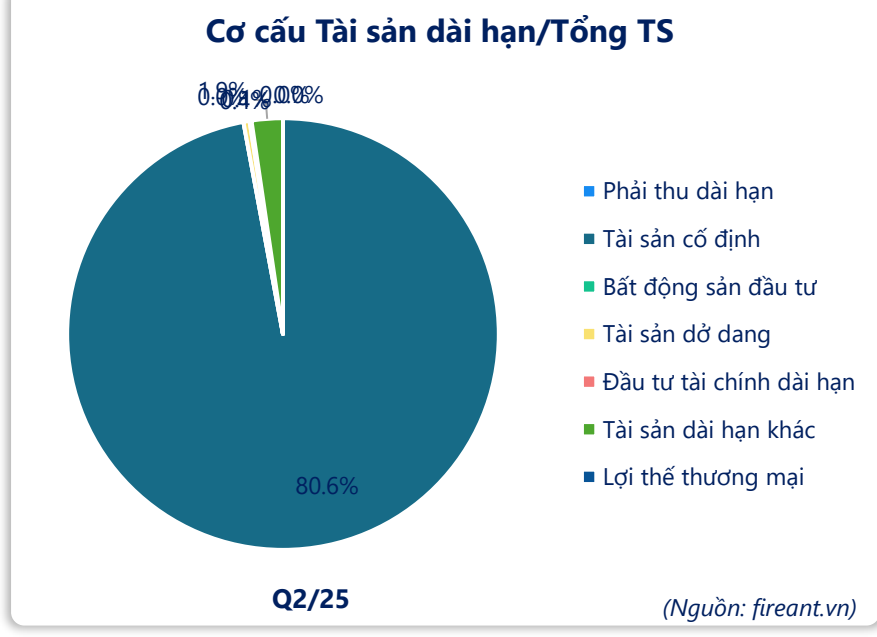
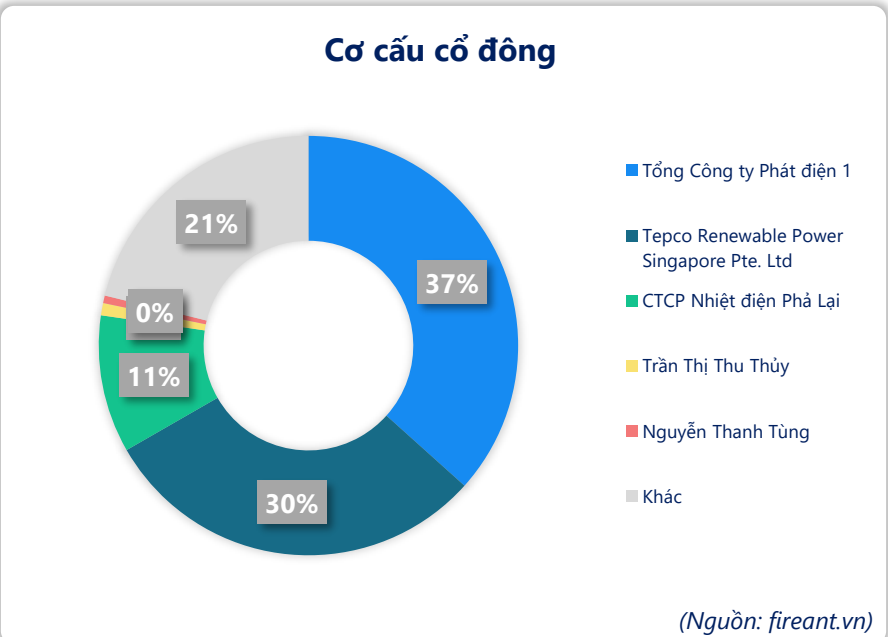
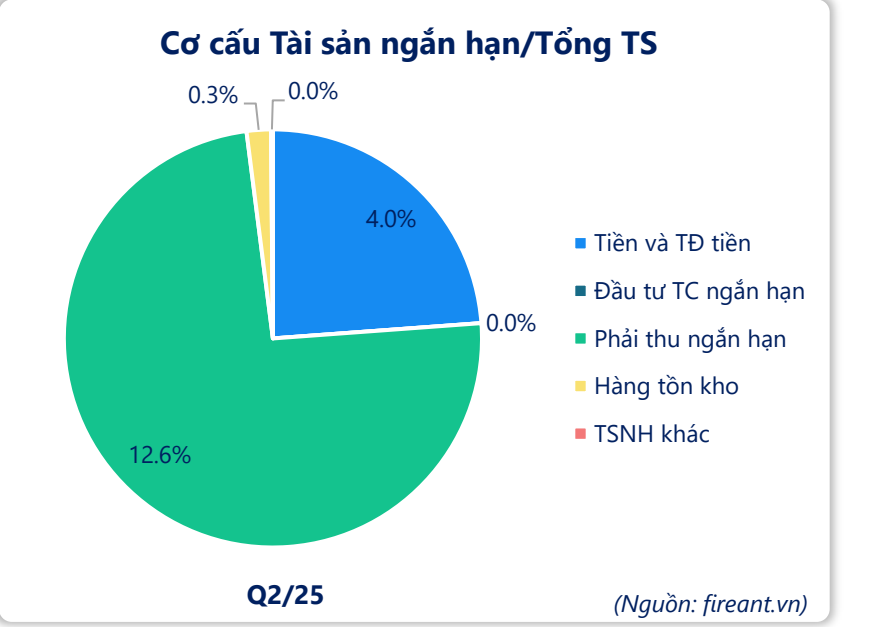
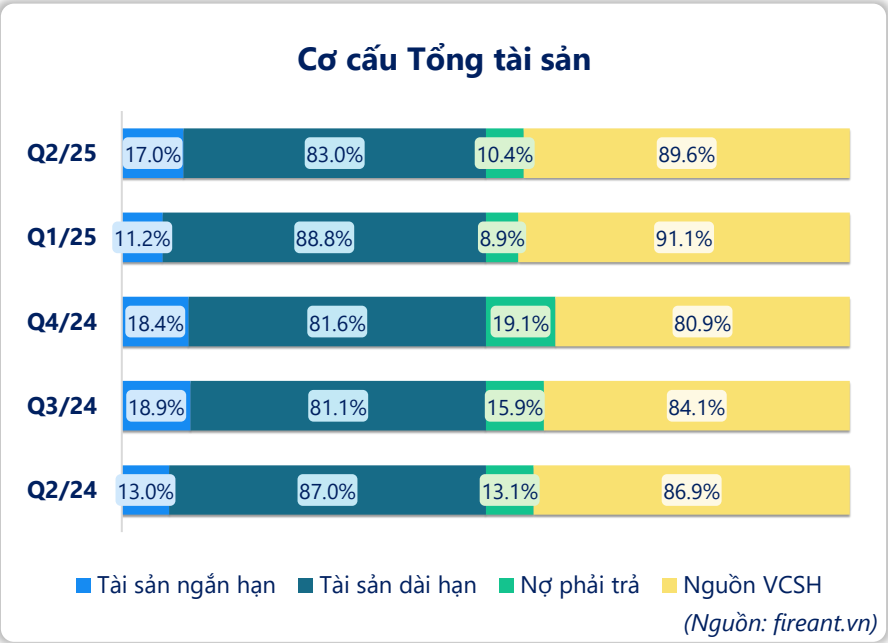
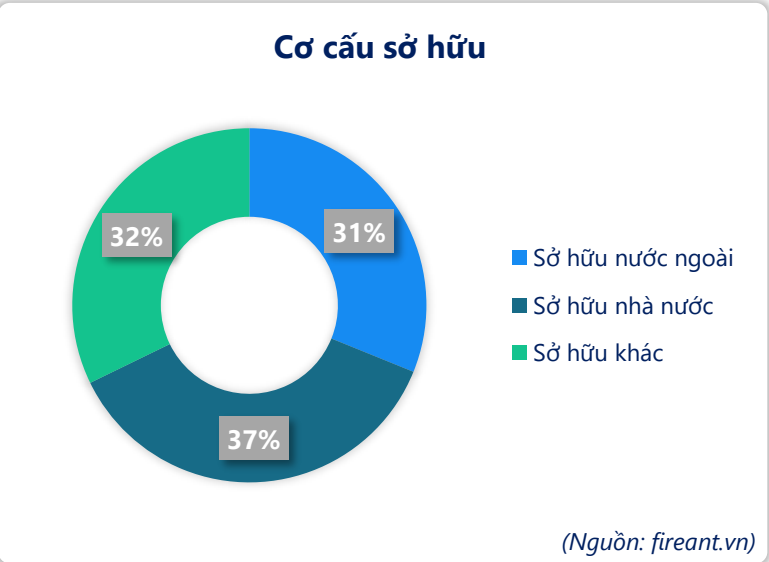
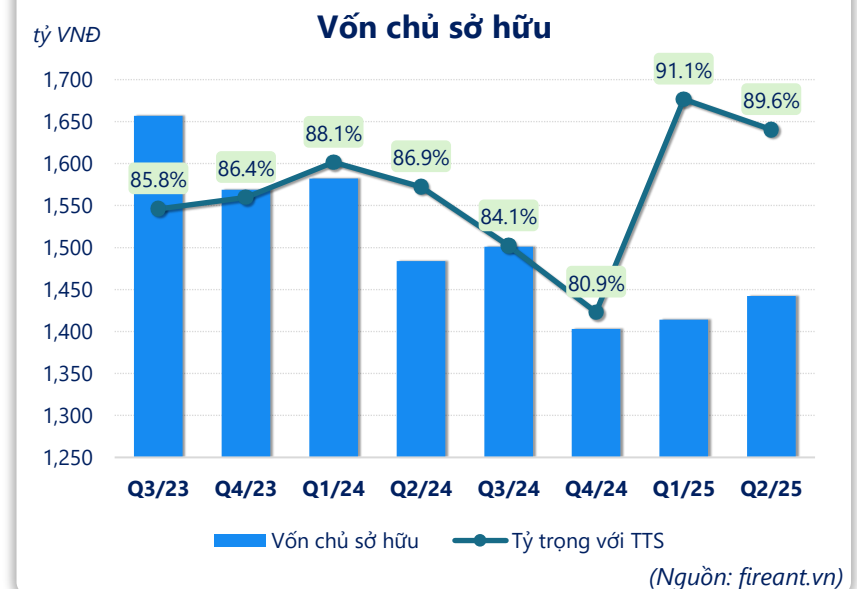
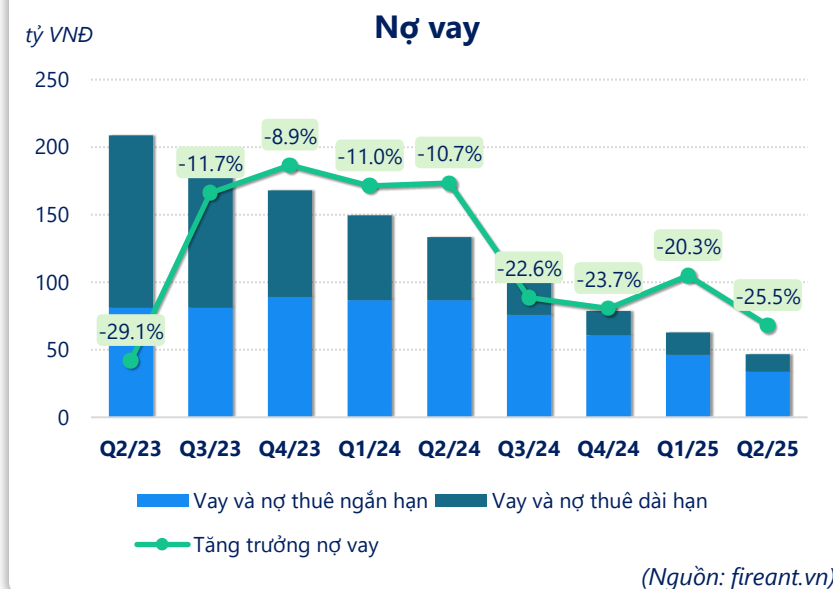
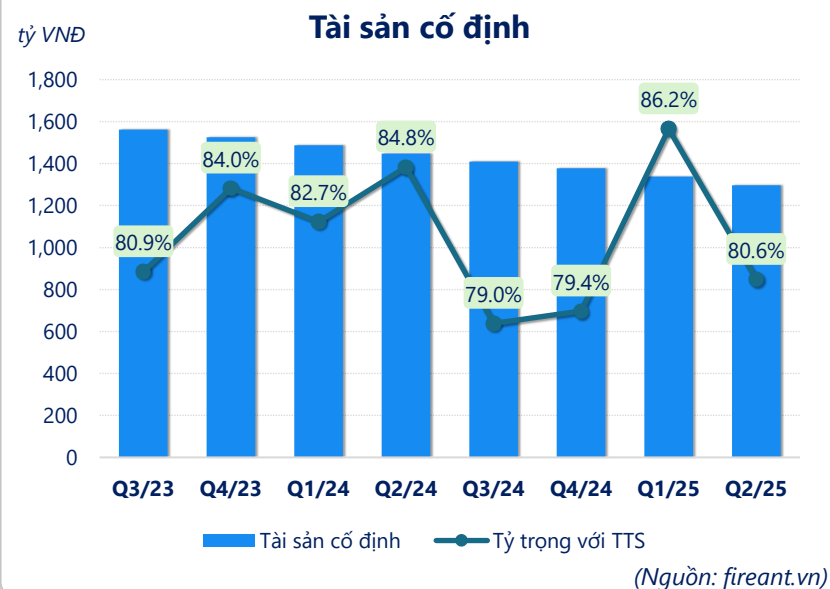
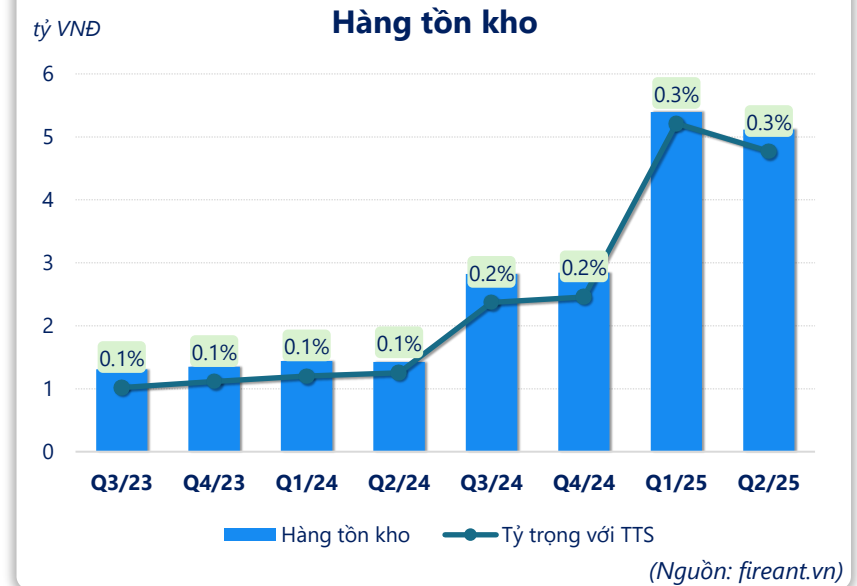
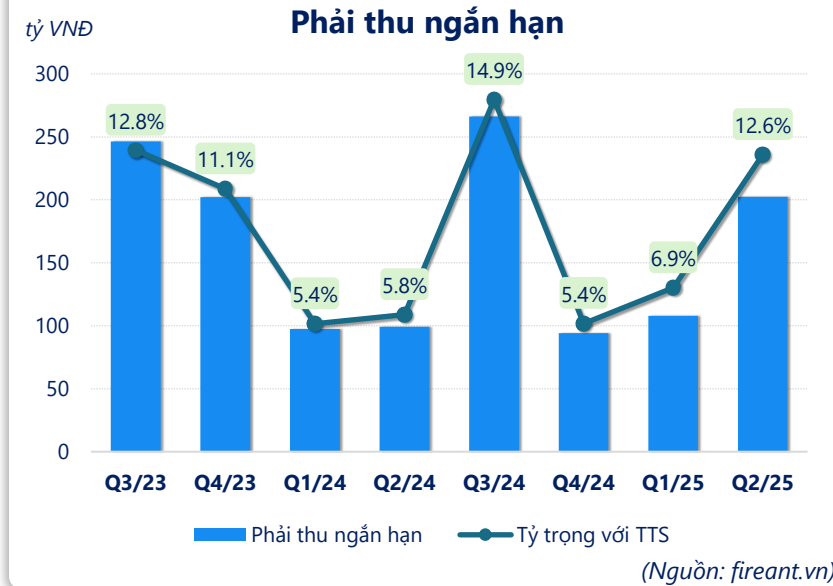
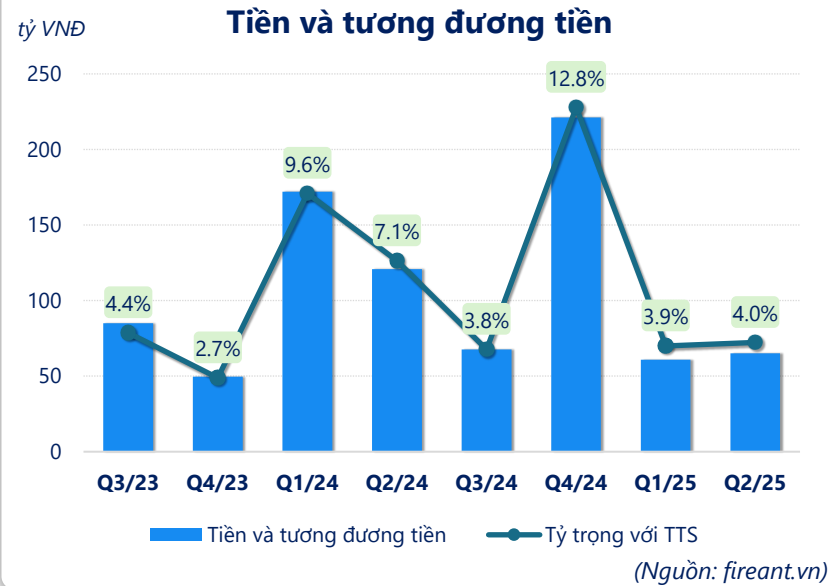
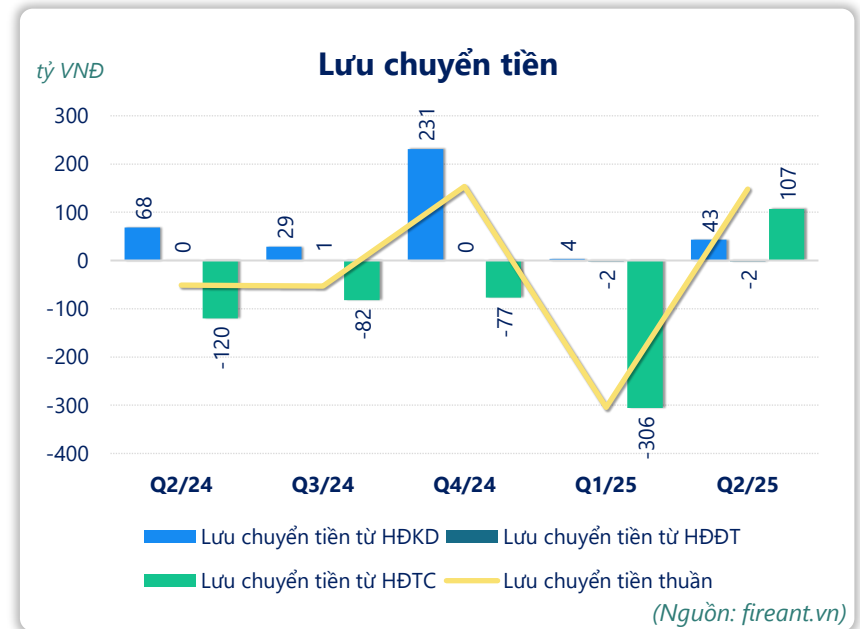
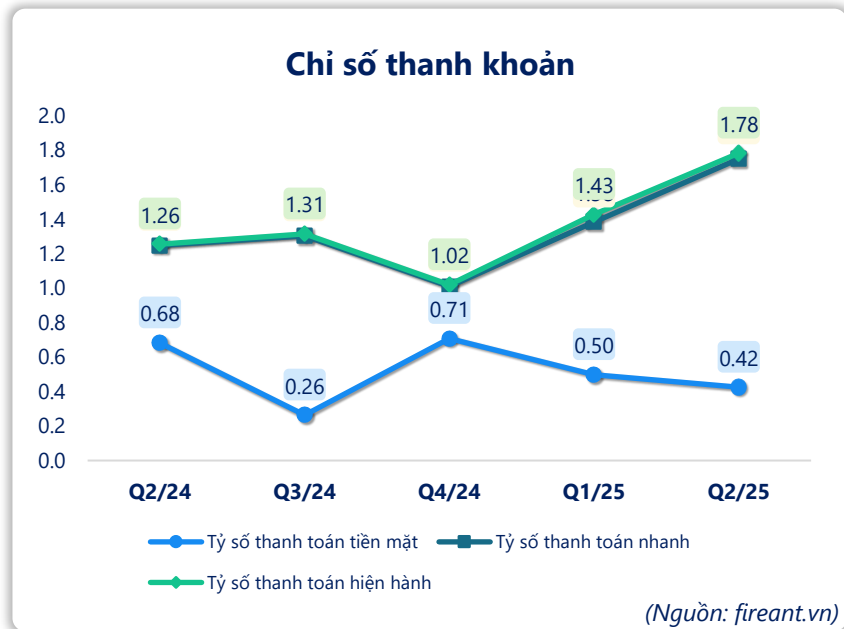
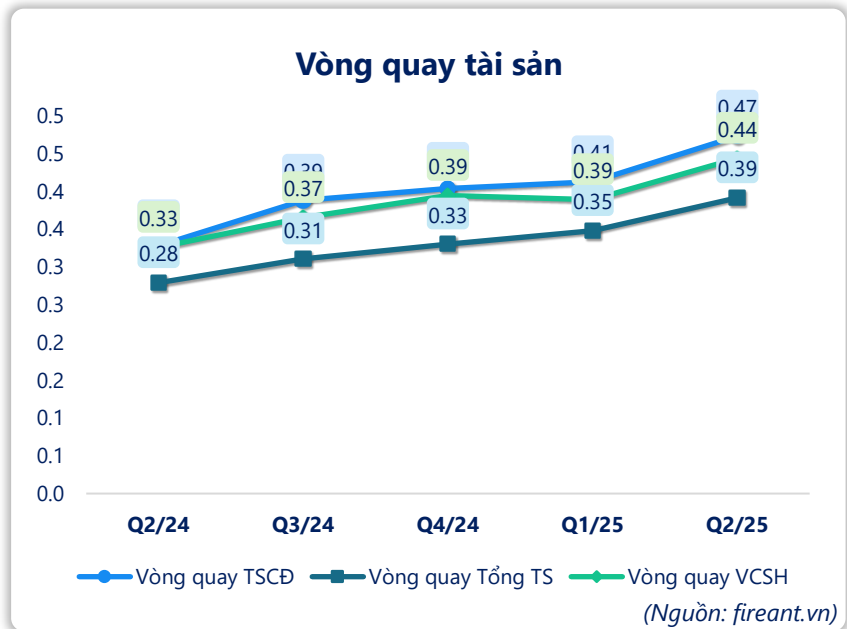
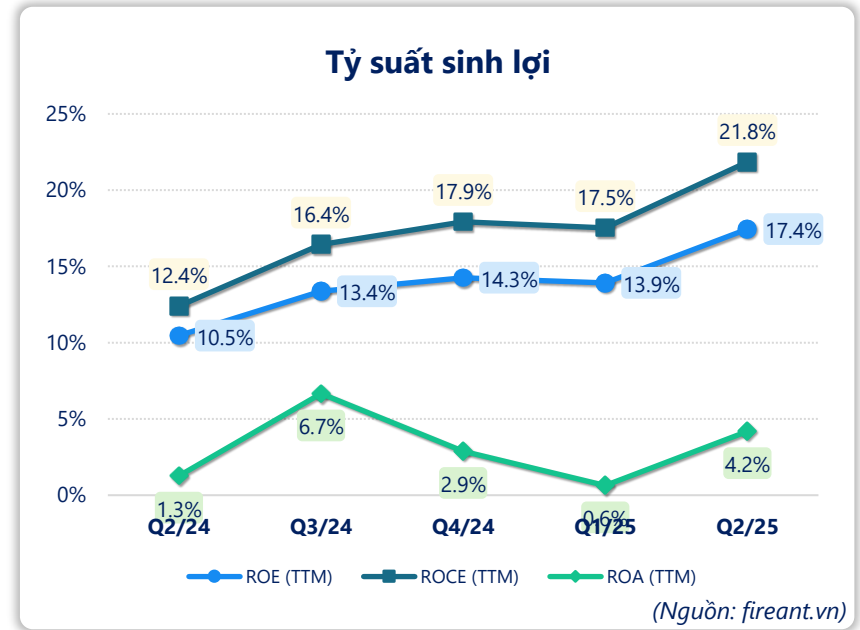
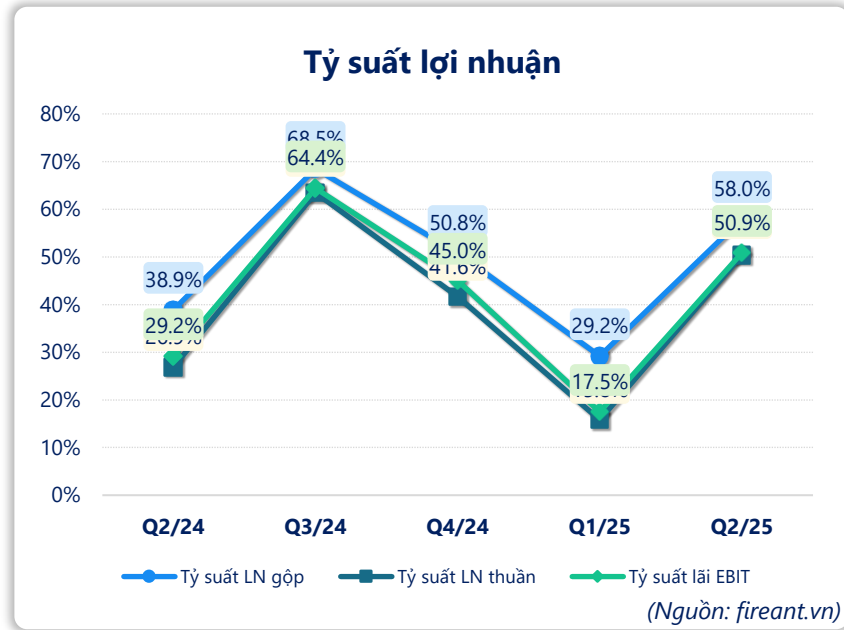
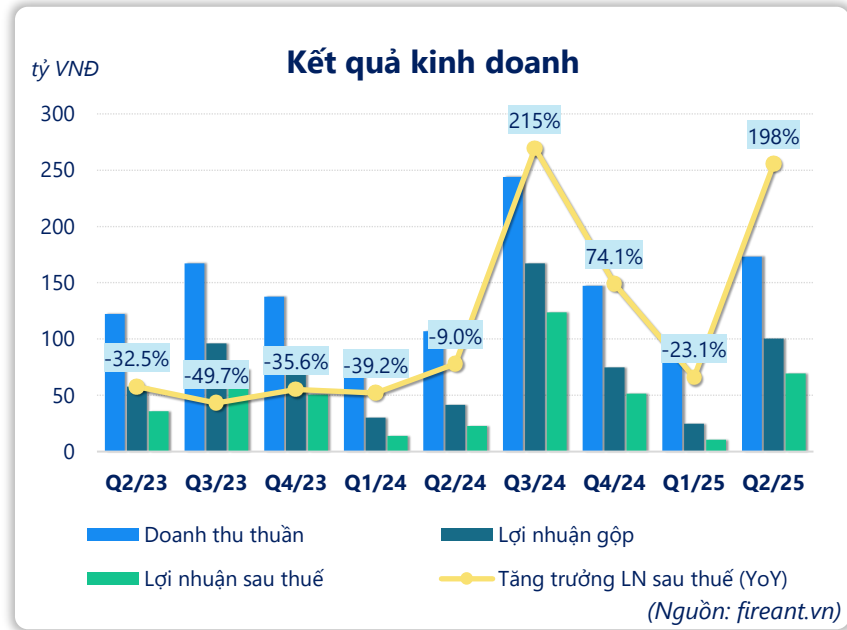


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,770
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,947
SL cổ phiếu LH		106,589,629
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,001
% sở hữu nước ngoài		31.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,707
P/E		10.6
EPS		2,395

	YTD	1T	3T	6T
VPD	-4.1%	3.3%	-2.8%	-4.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,609	1,738	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	273	323	-15.4%
Tiền và tương đương tiền	65.1	221	-70.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	202	94.2	115%
Hàng tồn kho	5.11	6.78	-24.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	0.50	-19.0%
Tài sản dài hạn	1,336	1,415	-5.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,297	1,377	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.08	3.85	58.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.95	1.95	0.0%
Tài sản dài hạn khác	31.2	32.2	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	167	335	-50.0%
Nợ ngắn hạn	153	315	-51.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.8	58.8	-42.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	14.7	-26.1%
Nợ dài hạn	14.0	20.0	-30.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.0	20.0	-35.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,442	1,403	2.8%
Vốn chủ sở hữu	1,442	1,403	2.8%
Vốn điều lệ	1,066	1,066	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	107	244	147	84.7	173
Giá vốn hàng bán	65.3	76.9	72.4	60.0	72.8
Lợi nhuận gộp	41.6	167	74.8	24.7	100
Doanh thu HĐTC	0.52	0.56	1.21	0.51	0.47
Chi phí TC	2.84	2.62	2.24	1.76	1.48
Chi phí lãi vay	2.50	2.28	1.90	1.41	1.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.5	10.2	12.5	10.1	12.1
LN thuần từ HĐKD	28.8	155	61.3	13.4	87.3
Lợi nhuận khác	-0.08	0.00	3.08	0.01	-0.34
LN trước thuế	28.7	155	64.4	13.4	86.9
Lợi nhuận sau thuế	22.8	124	51.4	10.7	69.5
LNST của CĐ cty mẹ	22.8	124	51.4	10.7	69.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.1	28.6	231	3.67	43.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.39	0.61	0.00	-2.18	-1.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-120	-82.3	-77.1	-306	107
Tiền đầu kỳ	172	121	67.7	221	-83.2
Lưu chuyển tiền thuần	-51.3	-53.0	154	-304	148
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	121	67.7	221	-83.2	65.1

(Nguồn: fireant.vn)